

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/KDTM-ST

Ngày: 30-11-2021

V/v “T/c HĐTD”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Lý và ông Quách Đình Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-KDTM ngày 12/11/2021; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ: Tháp B, 35 H, Quận K, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Đức T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Đặng Văn Q- Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- chi nhánh Nam Gia Lai. Địa chỉ: 117 đường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019).

*Người đại diện hợp lệ theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn T - Chuyên viên phòng khách hàng 3 thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam- chi nhánh Nam Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền số 837/QĐ-BIDV.NGL ngày 15/7/2021). Có mặt.

*2. Bị đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2020 và tại phiên tòa người đại diện hợp lệ theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn T trình bày:**

Theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/10216251/HĐTD ngày 20/06/2018, Ngân hàng T đã cho chị Phạm Thị V vay số tiền là: 1.500.000.000 đồng (Một tỷ

*năm trăm triệu đồng*). Mục đích vay: kinh doanh mua bán hàng nông sản các loại; thời hạn vay 09 tháng; lãi suất vay: 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm. Ngày nhận nợ: 26/06/2018. Ngày trả nợ gốc: 20/03/2019. Dư nợ gốc hiện tại: 1.500.000.000 đồng. Nợ lãi vay hiện tại: 718.150.685 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn: 515.342.466 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 30/11/2021: 202.808.219 đồng).

Để bảo đảm cho các khoản nợ vay nói trên, chị Phạm Thị V đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2017/10216251/HĐBĐ ngày 13/09/2017. Tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 738, tờ bản đồ số 50, diện tích thực tế 414,2m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 560357 do UBND huyện Đ cấp ngày 23/11/2007 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X, đã chuyển nhượng toàn bộ cho chị Phạm Thị V vào ngày 04/10/2016;

Tài sản trên đất: 01 nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 200m<sup>2</sup>.

+ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: tổ 4, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15, diện tích 231,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 348083 do UBND huyện M, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/07/2017 cho ông Phạm Bích L và bà Nguyễn Thị T đã tặng cho chị Phạm Thị V vào ngày 30/8/2017.

Tài sản trên đất: 01 nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 100m<sup>2</sup>.

Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng tại văn phòng công chứng H vào ngày 13/9/2017; địa chỉ: 157 T, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; số công chứng: 01663, quyển số: 05/VP/CC-SCC/HĐGD, đã đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 14/9/2017 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M.

Ngân hàng cũng đã nhiều lần yêu cầu chị Phạm Thị V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nhưng không đạt kết quả. Nay Ngân hàng Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết: buộc chị Phạm Thị V phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền: 2.218.150.685 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm mười tám triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng*), trong đó: nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/11/2021) là: 718.150.685 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn: 515.342.466 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/11/2021: 202.808.219 đồng).

+ Lãi vay phát sinh từ ngày 01/12/2021 đến ngày thanh toán hết nợ vay tại Ngân hàng.

Trường hợp chị Phạm Thị V không thanh toán được hết nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Tòa án tuyên phát mại toàn bộ các tài sản mà chị V đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10216251/HĐBĐ ngày 13/09/2017 để thu hồi nợ.

Các tài sản thế chấp khi phát mại mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng T thì chị Phạm Thị V phải dùng các tài sản khác để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên.

2. Đối với bị đơn là chị Phạm Thị V, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để thông báo cho chị V đến Tòa án để làm việc nhưng chị V

vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

\*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, buộc chị Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng và nợ lãi là: 718.150.685 đồng (trong đó nợ lãi trong hạn: 515.342.466 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 30/11/2021: 202.808.219 đồng), đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

Trong trường hợp chị Phạm Thị V không trả nợ cho Ngân hàng T, đề nghị xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản số 01/2017/10216251/HĐBĐ ngày 13/09/2017 để thu hồi nợ.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền: Ngân hàng T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là chị Phạm Thị V. Khi ký kết Hợp đồng tín dụng các đương sự đã thỏa thuận Tòa án nơi giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thành phố P và nguyên đơn lựa chọn Tòa án giải quyết theo thỏa thuận này. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

Ngân hàng T và chị Phạm Thị V ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10216251/HĐTD ngày 20/06/2018, Ngân hàng T đã cho chị Phạm Thị V vay số tiền là: 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*). Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh nông sản. Lãi suất vay: 10%/năm; lãi suất nợ quá hạn: không quá 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả là 10%/năm. Ngày nhận nợ: 26/06/2018. Ngày trả nợ gốc: 20/03/2019.

Để bảo đảm cho các khoản nợ vay nói trên, chị Phạm Thị V đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2017/10216251/HĐBĐ ngày 13/09/2017. Tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 738, tờ bản đồ số 50, (diện tích theo Giấy chứng nhận là 457m<sup>2</sup>), diện tích thực tế 414,2m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 560357 do UBND huyện Đ cấp ngày 23/11/2007 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X, đã chuyển nhượng toàn bộ cho chị Phạm Thị V vào ngày 04/10/2016;

Tài sản trên đất: 01 nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 200m<sup>2</sup>.

+ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: tổ 4, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15, diện tích 231,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 348083 do UBND huyện M, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/07/2017 cho ông Phạm Bích L và bà Nguyễn Thị đã tặng cho chị Phạm Thị V vào ngày 30/8/2017.

Tài sản trên đất: 01 nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 100m<sup>2</sup>.

Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng tại văn phòng công chứng H vào ngày 13/9/2017; địa chỉ: 157 T, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; số công chứng: 01663, quyển số: 05/VP/CC-SCC/HĐGD đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 14/9/2017 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Gia Lai và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Gia Lai.

Từ ngày nhận nợ cho đến khi Ngân hàng Tkhởi kiện đến nay, bên vay là chị V chưa trả được tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Tkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị V phải trả toàn bộ số tiền nợ từ ngày 26/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/11/2021) là: 2.218.150.685 đồng (*Hai tỷ hai trăm mười tám triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi: 718.150.685 đồng (*nợ lãi trong hạn: 515.342.466 đồng, nợ lãi quá hạn: 202.808.219 đồng*); đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

Xét, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ tuyên buộc chị Phạm Thị V phải trả toàn bộ số tiền nợ vay tính đến ngày 30/11/2021 là: 2.218.150.685 đồng (*Hai tỷ hai trăm mười tám triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 718.150.685 đồng (*nợ lãi trong hạn: 515.342.466 đồng, nợ lãi quá hạn: 202.808.219 đồng*); đồng thời phải trả lãi phát sinh đến thời điểm xử lý xong nợ vay.

Chị Phạm Thị V đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10216251/HĐBĐ ngày 13/09/2017 để bảo đảm cho khoản vay nêu trên. Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng; mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, quá trình thi hành án, nếu chị Phạm Thị V không trả được nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản mà chị V đã thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi xử lý các tài sản thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng T thì chị Phạm Thị V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng T.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

[4] Về chi phí tố tụng:

Nguyên đơn phải chịu chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là 4.512.000đồng.

Bị đơn phải chịu 7.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc. Do Ngân hàng T đã nộp tạm ứng và chi xong nên chị Phạm Thị V phải hoàn trả lại Ngân hàng T số tiền 7.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 274, 275, 277, 317, 323, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1.1. Buộc chị Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ vay là: 2.218.150.685 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm mười tám triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc là: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 718.150.685 đồng (nợ lãi trong hạn: 515.342.466 đồng, nợ lãi quá hạn: 202.808.219 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10216251/HĐTD ngày 20/06/2018 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.2. Trong trường hợp chị Phạm Thị V không trả nợ hoặc trả không hết số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/10216251/HĐBĐ ngày 13/09/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng H vào ngày 13/9/2017; địa chỉ: 157 T, phường B, thành phố P, tỉnh Gia Lai; số công chứng: 01663, quyền số: 05/VP/CC-SCC/HĐGD, đã đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 14/9/2017 tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Gia Lai và chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Gia Lai.

Tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 738, tờ bản đồ số 50, (diện tích theo Giấy chứng nhận là 457m<sup>2</sup>), diện tích thực tế 414,2m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 560357 do UBND huyện Đ cấp ngày 23/11/2007 cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X đã chuyển nhượng toàn bộ cho chị Phạm Thị V vào ngày 04/10/2016;

Tài sản trên đất: 01 nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 200m<sup>2</sup>.

+ Quyền sử dụng đất tại địa chỉ: tổ 4, thị trấn, huyện M, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 11, tờ bản đồ số 15, diện tích 231,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 348083 do UBND huyện M, tỉnh Gia Lai cấp ngày 31/07/2017 cho ông Phạm Bích L và bà Nguyễn Thị T, đã tặng cho chị Phạm Thị V vào ngày 30/8/2017.

Tài sản trên đất: 01 nhà ở cấp 4, diện tích xây dựng 100m<sup>2</sup>.

1.3 Sau khi xử lý các tài sản thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ cho Ngân hàng T thì chị Phạm Thị V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng T.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Phạm Thị V phải chịu 76.363.014 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.897.261 đồng theo biên lai số 0006030 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

## 3. Về chi phí tố tụng:

- Ngân hàng T phải chịu 4.512.000 đồng chi phí thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng (đã nộp xong).

- Chị Phạm Thị V phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 7.000.000 đồng. Do Ngân hàng T đã nộp tạm ứng và chi xong nên chị Phạm Thị V phải hoàn trả lại Ngân hàng T số tiền 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

## 4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký )**

**Đoàn Thị Thanh Hà**

